

Số: 26 /2014/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 19/5/2009 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Hà Tĩnh giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 56/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của HĐND tỉnh Khóa XVI về việc thông qua Đề án Bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 299/BC-STP ngày 05/5/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Báo Hà Tĩnh, Đài PTTH tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Các Phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NL. Gửi: VB giấy và ĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Kim Cự

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách khuyến khích phát triển bảo quản, chế biến và tiêu thụ
sản phẩm chủ yếu tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2014/QĐ-UBND
ngày 23/6/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh

1. Đối tượng áp dụng:

Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện đổi mới công nghệ, dây chuyền sản xuất và đầu tư xây dựng mới cơ sở bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Các hoạt động đổi mới công nghệ, dây chuyền sản xuất và đầu tư xây dựng mới cơ sở bảo quản, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu sau:

- a) Nông sản: Lúa, lạc, rau, củ, quả các loại.
- b) Chăn nuôi: Lợn, hươu, bò.
- c) Thủy hải sản: Tôm và các loại thủy sản có sản lượng lớn như cua, cá các loại, lươn, ếch....
- d) Lâm nghiệp: Gỗ rừng trồng.
- e) Vật liệu xây dựng: Gạch không nung, vật liệu mới, vật liệu thân thiện môi trường và một số sản phẩm ưu tiên phát triển theo chính sách của tỉnh.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định một số chính sách khuyến khích phát triển bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và trách nhiệm thực hiện của các cơ quan liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ một lần (đối với một công nghệ cho một doanh nghiệp đầu tư đổi mới, cải tiến và chuyển giao công nghệ).

b) Các nội dung quy định tại chính sách này, nếu có văn bản khác của cấp có thẩm quyền cùng điều chỉnh thì đối tượng áp dụng chỉ được hưởng một trong các chính sách hiện hành với mức hỗ trợ cao nhất.

2. Điều kiện được hỗ trợ: Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường, vệ sinh, an toàn thực phẩm, quản lý thị trường và các quy định có liên quan.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm, bao gồm nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; lồng ghép các nguồn vốn: Sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp kinh tế, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí phát triển kinh tế tập thể và các nguồn hợp pháp khác.

2. Ngân sách các cấp (tỉnh, huyện, xã) hàng năm cân đối, bố trí từ nguồn sự nghiệp kinh tế, tăng thu ngân sách và các nguồn khác đảm bảo nhu cầu thực hiện chính sách phát triển bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh.

Tổng nguồn vốn thực hiện Đề án:	5.904.100 triệu đồng;
- Nguồn huy động từ các nhà đầu tư và nguồn khác:	4.800.000 triệu đồng;
- Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương:	158.500 triệu đồng;
- Nguồn vốn từ ngân sách địa phương:	945.600 triệu đồng;
Trong đó:	
+ Lồng ghép các chương trình, dự án:	738.900 triệu đồng;
+ Ngân sách tỉnh:	144.690 triệu đồng;
+ Ngân sách huyện, xã:	62.010 triệu đồng.

Chương II CÁC CHÍNH SÁCH CỤ THỂ

Điều 4. Chính sách về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Về đất đai: Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc lĩnh vực bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu được hưởng các chính sách ưu đãi về tiền sử dụng đất, thuê đất, khung giá thuê đất với mức ưu đãi cao nhất theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Hỗ trợ san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật: Hỗ trợ bồi thường giải phóng, san lấp mặt bằng; rà phá bom mìn và xây dựng các công trình hạ tầng, kỹ thuật ngoài hàng rào thực hiện theo Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 21/3/2012 của UBND tỉnh về ban hành một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Điều 5. Chính sách thuế

Chính sách thuế suất ưu đãi, miễn và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 15, 16, 17, 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp

Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư dự án, công trình, máy móc phục vụ bảo quản nông sản, thủy sản, tùy theo quy mô và mức đầu tư sẽ được

ngân sách hỗ trợ theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp.

Điều 7. Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến

Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có dự án đầu tư nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến các sản phẩm chủ yếu (nông sản, chăn nuôi, thủy hải sản) được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 16 Nghị định 210/2013/NĐ-CP, ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Khoảng cách để tính hỗ trợ chi phí vận chuyển được tính từ địa điểm đặt nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến đến nơi tiêu thụ và vận chuyển nguyên liệu (sản xuất tại Hà Tĩnh) từ nơi sản xuất đến điểm đặt nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến.

Điều 8. Chính sách về khoa học và công nghệ

1. Hỗ trợ hoạt động đổi mới, chuyển giao công nghệ cho các tổ chức, cá nhân:

a) Hỗ trợ kinh phí chuyển giao công nghệ:

- Hợp đồng có giá trị trên 01 tỷ đồng, được hỗ trợ 15% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng;

- Hợp đồng có giá trị từ trên 500 triệu đồng đến 01 tỷ đồng, được hỗ trợ 20% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng;

- Hợp đồng có giá trị từ 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng, được hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng.

b) Hỗ trợ kinh phí đổi mới hoặc hoàn thiện công nghệ:

- Đổi mới hoặc hoàn thiện công nghệ có giá trị trên 01 tỷ đồng được hỗ trợ 10% giá trị công nghệ theo dự toán đã được thẩm định, phê duyệt, nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng;

- Đổi mới hoặc hoàn thiện công nghệ có giá trị từ trên 500 triệu đồng đến 01 tỷ đồng được hỗ trợ 20% giá trị công nghệ theo dự toán đã được thẩm định, phê duyệt, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng;

- Đổi mới hoặc hoàn thiện công nghệ có giá trị từ 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng được hỗ trợ 30% giá trị công nghệ theo dự toán đã được thẩm định, phê duyệt, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng.

2. Đối với dự án đầu tư dây chuyền sản xuất mới (thiết bị, máy móc mới):

Hỗ trợ đối với dự án đầu tư dây chuyền sản xuất mới, công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, thị trường tiêu thụ lớn, đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên. Mức hỗ trợ từ 5% đến 10% giá trị đầu tư đã thực hiện, nhưng tối đa không quá 10 tỷ đồng.

Điều 9. Hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ

1. Hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm:

a) Hỗ trợ 50 triệu đồng/doanh nghiệp hoặc tổ chức, hộ kinh doanh kinh phí xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn (ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, HACCP, GMP và các tiêu chuẩn khác);

b) Hỗ trợ 10 triệu đồng/tổ chức, cá nhân xây dựng tiêu chuẩn cơ sở;

c) Hỗ trợ 20 triệu đồng/doanh nghiệp hoặc tổ chức, hộ kinh doanh xây dựng hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của đơn vị;

d) Hỗ trợ 15 triệu đồng/sản phẩm để đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn và đánh giá chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm xuất khẩu;

đ) Các Doanh nghiệp hoặc tổ chức, hộ kinh doanh đạt được giải thưởng chất lượng được hỗ trợ tính theo một lần đoạt giải:

- Giải Bạc chất lượng Quốc gia: 15 triệu đồng;
- Giải Vàng chất lượng Quốc gia: 20 triệu đồng;
- Giải thưởng chất lượng khu vực: 30 triệu đồng;
- Giải thưởng chất lượng Quốc tế: 50 triệu đồng.

2. Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp:

a) Xác lập quyền sở hữu công nghiệp trong nước:

- Hỗ trợ kinh phí xác lập quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp: 06 triệu đồng/kiểu dáng;

- Hỗ trợ kinh phí xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ: 04 triệu đồng/01 nhãn hiệu. Riêng đối với nhãn hiệu hàng hóa được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu tập thể: 10 triệu đồng/01 nhãn hiệu; được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận: 15 triệu đồng/01 nhãn hiệu;

- Hỗ trợ sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp bằng độc quyền sáng chế: 15 triệu đồng/01 sáng chế;

- Hỗ trợ sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý: 70 triệu đồng/01 sản phẩm.

b) Xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở nước ngoài:

Mỗi tổ chức, cá nhân được hỗ trợ không quá 02 đối tượng sở hữu công nghiệp (nhãn hiệu hàng hóa hoặc kiểu dáng công nghiệp) ở một quốc gia, nơi tổ chức, cá nhân cung cấp sản phẩm, hàng hóa và không quá 05 quốc gia cho một tổ chức, cá nhân. Mức hỗ trợ: 50% chi phí về phí và lệ phí đăng ký bảo hộ tại nước chỉ định đăng ký bảo hộ, nhưng không quá 50 triệu đồng/đối tượng/quốc gia.

c) Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ:

Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có dự án tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ nhằm phát triển các sáng chế, giải pháp hữu ích được bảo hộ; nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm đặc sản, sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu và có giá trị kinh tế cao sẽ được xem xét hỗ trợ tối đa 70% kinh phí để xây dựng hệ thống quản lý và phát triển giá trị tài sản trí tuệ. Tùy theo dự án và sản phẩm, UBND tỉnh sẽ xem xét và quyết định hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 10. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực và phát triển thị trường

- Hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực theo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 21/3/2012 của UBND tỉnh;
- Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các hội chợ thiết bị và công nghệ, hội chợ thương mại trong nước nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/tổ chức, cá nhân/lần/năm;
- Các đơn vị thực hiện quảng cáo hình ảnh, sản phẩm trên các sản phẩm, các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên các Website thương mại điện tử, xúc tiến thương mại có uy tín trong và ngoài nước phải trả phí thì được hỗ trợ 50% tổng chi phí, mức hỗ trợ tối đa là 50 triệu đồng/doanh nghiệp/năm;
- Hỗ trợ 20 triệu đồng/doanh nghiệp kinh phí xây dựng website của doanh nghiệp nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm hàng hóa và mở rộng thị trường.
- Hỗ trợ dự án xây dựng mô hình thí điểm liên kết tiêu thụ sản phẩm chủ yếu, cung ứng nguyên liệu đầu vào cho vùng sản xuất tập trung và nhân rộng các mô hình thí điểm nói trên (tối đa 300 triệu đồng/xây dựng 01 mô hình, tối đa 200 triệu đồng/01 mô hình nhân rộng).

Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân nếu có nhu cầu sẽ được các sở, ngành liên quan hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật các kiến thức quản lý: Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công nghệ và chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các văn bản hướng dẫn thi hành; kỹ năng lựa chọn công nghệ, đàm phán, xây dựng và ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, năng suất, chất lượng và các vấn đề có liên quan; kỹ năng quản lý sản xuất, các công cụ phục vụ quản lý, phương pháp quản lý năng suất, chất lượng và triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu ở cơ sở; phương pháp đánh giá công nghệ, định giá tài sản sở hữu trí tuệ; hướng dẫn xây dựng bộ phận nghiên cứu và triển khai, thành lập Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp KHCN khi có nhu cầu.

Điều 11. Tư vấn chuyển giao công nghệ, thông tin

1. Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân được các cơ quan Nhà nước hỗ trợ thông tin, giới thiệu tổ chức tư vấn, nhà cung cấp, chuyên gia, tư vấn lựa chọn công nghệ, lập dự án đổi mới công nghệ, đàm phán, lập hợp đồng chuyển giao công nghệ, ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, tiếp nhận công nghệ. Giới thiệu các công nghệ mới, các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực bảo quản, chế biến và tiêu thụ cho các doanh nghiệp;

2. Hỗ trợ 70% kinh phí đánh giá công nghệ tại các doanh nghiệp, thẩm định và đánh giá công nghệ chuyển giao cho doanh nghiệp, tối đa không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp/năm;

3. Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào lĩnh vực bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nếu có nhu cầu khảo sát, tìm hiểu công nghệ trong và ngoài nước sẽ được hỗ trợ một phần

kinh phí. Mức hỗ trợ sẽ được UBND tỉnh xem xét, quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 12. Hỗ trợ tiếp cận các nguồn lực, các chương trình, dự án

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh có trách nhiệm hỗ trợ tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tiếp cận, tham gia các Chương trình, dự án của các tổ chức trong và ngoài nước, Chương trình, dự án của quốc gia nhằm đẩy nhanh việc phát triển mạng lưới bảo quản, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm của tỉnh;

2. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn ưu đãi trong và ngoài nước để thực hiện các mô hình, dự án về bảo quản, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu của tỉnh;

3. Việc hỗ trợ bao gồm tạo các điều kiện tiếp cận, xây dựng dự án, các thủ tục để nhận hỗ trợ.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, đơn vị, địa phương tổ chức phổ biến, hướng dẫn lập dự án, thẩm định, phê duyệt và thống nhất mức hỗ trợ;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở; ngành, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan kết nối với các Chương trình trọng điểm Quốc gia về phát triển khoa học và công nghệ nhằm tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương để thực hiện đề án.

d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện chính sách báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan bố trí lồng ghép các chương trình, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện chính sách; theo dõi, tổng hợp, kiểm tra việc thực hiện các chính sách về ưu đãi đầu tư; hiệu quả hoạt động của các mô hình, Dự án được hỗ trợ theo quy định.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo UBND các huyện, thành phố, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn chủ động bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán ngân sách hàng năm của ngân sách cấp huyện, cấp xã;

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các ngành liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn phòng điều phối Chương trình Nông thôn mới tỉnh:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các nhiệm vụ KHCN trong lĩnh vực nông nghiệp;

b) Đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, gắn với vệ sinh, an toàn thực phẩm nhằm phát huy giá trị, lợi thế cạnh tranh của sản phẩm và điều kiện tự nhiên của vùng;

c) Lồng ghép các chương trình, dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và sự nghiệp ngành Nông nghiệp và PTNT để thực hiện chính sách.

5. Sở Công thương:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các nhiệm vụ KHCN trong lĩnh vực công thương;

b) Chủ trì lồng ghép nguồn vốn từ quỹ khuyến công, kinh phí thực hiện Đề án phát triển thương mại nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, Chính sách phát triển xuất khẩu một cách có hiệu quả;

c) Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ đưa các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn vào siêu thị và xuất khẩu.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổ chức thực hiện các chính sách về đất đai và xử lý môi trường;

b) Chủ trì, phối hợp với các huyện, thị, thành phố kiểm tra, tham mưu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân thực hiện chính sách.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính bố trí lồng ghép kinh phí từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia dạy nghề cho lao động nông thôn để thực hiện chính sách.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn;

b) Hàng năm, lập kế hoạch, lựa chọn dự án, mô hình được hỗ trợ theo chính sách gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh;

c) Thực hiện hỗ trợ kinh phí theo đúng chính sách, thanh quyết toán nguồn kinh phí đúng chế độ quy định;

d) Hàng năm, chủ động cân đối bố trí ngân sách cấp huyện để thực hiện chính sách;

e) Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan theo quy định.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chính sách đến các tầng lớp dân cư trên địa bàn và triển khai thực hiện tốt chính sách;

b) Hàng năm, chủ động cân đối bố trí ngân sách cấp xã để thực hiện chính sách;

c) Thực hiện hỗ trợ kinh phí theo đúng chính sách, thanh quyết toán nguồn kinh phí đúng chế độ quy định;

d) Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND các huyện, thành phố, thị xã.

10. Các ngân hàng:

a) Ngân hàng Phát triển Hà Tĩnh, Ngân hàng chính sách xã hội bố trí đủ vốn cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vay theo chính sách được ban hành;

b) Các Ngân hàng Thương mại (Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương...) tạo điều kiện bố trí vốn, hướng dẫn thủ tục vay cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vay vốn thực hiện chính sách;

c) Hướng dẫn chi tiết về thủ tục, điều kiện vay vốn thông báo rộng rãi đến cấp xã, thôn, xóm và toàn thể nhân dân để được tiếp cận nguồn vốn.

11. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp: Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả.

12. Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Hà Tĩnh, các cơ quan thông tin, đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng để các địa phương, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp biết, tổ chức thực hiện chính sách có hiệu quả.

13. Các cơ quan liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ của mình triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự